| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN Ô MÔN**<br>**THÀNH PHỐ CẦN THƠ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 54/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 6 - 2023
*V/v "Tranh chấp ly hôn".*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Phạm Quốc Kiệt.

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Lê Văn Tiềm;

Bà Ngô Thị Út Hậu.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Thị Như Ngọc - Thư ký Tòa án nhân Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn.

Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2023/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023 về việc *"Tranh chấp ly hôn"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Bé N, sinh năm 1988

Địa chỉ: Số 70, khu vực T, phường T, quận O, Tp. C (Có mặt).

*Bị đơn:* Ông Trương Văn H, sinh năm: 1982

Địa chỉ: Số 70, khu vực T, phường T, quận O, Tp. C (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Trần Thị Bé N trình bày:* Bà Trần Thị Bé N và ông Trương Văn H tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thới An, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ vào ngày 25/9/2007. Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc, nhưng đến tháng 3 năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, bất hòa về tình cảm và kinh tế gia đình. Mặc dù, đã cố

gắng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân cách nay 03 năm. Do thấy, hôn nhân không hạnh phúc, nên bà N xi được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà N và ông H có 02 con chung là Trương Bích N (nữ), sinh ngày 16/02/2008 và Trương Hữu L (nam) sinh ngày 21/8/2009, cháu L bị bệnh tật bẩm sinh, đang hưởng chế độ trợ cấp xã hội, cháu N và cháu L hiện do ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Bà N đồng ý giao 02 con chung cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Bà N xin không cấp dưỡng nuôi con, vì bà N không có việc làm và thu nhập ổn định, nhưng khi làm có tiền thì sẽ gửi tiền lo cho con ăn học. Từ trước đến nay, bà N vẫn gửi tiền hằng tháng cho con ăn học.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/6/2023, bị đơn Trương Văn H trình bày:*

Ông H và bà N tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn vào ngày 25/9/2007, có đăng ký kết hôn theo quy định. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vấn đề kinh tế gia đình khó khăn do ông H không có việc làm, không có tiền lo cho gia đình dẫn đến tình cảm mờ nhạt. Ông H không đồng ý ly hôn với bà N vì ông H vẫn còn thương yêu bà N. Mặc dù, vợ chồng đã ly thân, nhưng bản thân ông H cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Ông H và bà N có 02 con chung là Trương Bích N (nữ), sinh ngày 16/02/2008 và Trương Hữu L (nam) sinh ngày 21/8/2009. Cháu N hiện đang học lớp 9 và cháu L bị bệnh bẩn sinh có hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng, Cháu N và L, hiện do ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Trong trường hợp ly hôn thì ông H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con vì bà N cũng có kinh tế khó khăn, nhưng bà N vẫn có trách nhiệm đi làm có gửi tiền về lo cho con ăn học.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù ông H đã được triệu tập nhiều lần để làm việc, tham gia phiên hợp về việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông H vẫn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt đối với ông H. Do đó, Tòa án tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt đối với ông H.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn trình bày ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký và nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quy định về việc phải có mặt khi Tòa án triệu tập. Tòa án xác định quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp ly hôn*" là phù hợp; bị đơn có nơi cư trú tại quận Ô Môn nên Tòa án nhân dân quận Ô Môn thụ lý giải

quyết là đúng thẩm quyền.

Về nội dụng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Bé N đối với ông Trương Văn H.

Về quan hệ hộ nhân: Bà Trần Thị Bé N được ly hôn với ông Trương Văn H.

Về con chung: Giao 02 con chung là Trương Bích N (nữ), sinh ngày 16/02/2008 và Trương Hữu L (nam) sinh ngày 21/8/2009 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ông H không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của đương sự, nên ghi nhận.

Về tài sản chung và nợ chung không có.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Trần Thị Bé N và ông Trương Văn H, tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bà N có đơn xin ly hôn với ông H đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Tranh chấp này, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn quận Ô Môn, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ô Môn theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông H có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh ông H theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông H tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Các đương sự cùng thống nhất xuất phát từ vấn đề kinh tế gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng mờ nhạt, không có tiếng nói chung. Ông H không đồng ý ly hôn với bà N, nhưng trong khoảng thời gian dài vợ chồng sống ly thân và đến thời điểm hiện nay, bản thân ông H không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được triệu tập nhiều lần, nhưng ông H cũng không có mặt. Điều đó, chứng tỏ, ông H hoàn toàn không có thiện chí hàn gắn tình cảm với bà N. Nay, bà N vẫn kiên quyết xin hôn với ông H. Qua đó, cho thấy mâu thuẫn giữa các đương sự đã thật sự sâu sắc, trầm trọng, mục đích của hôn nhân là hạnh phúc không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của bà N đối với ông H là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: Ông H có ý kiến trong trường hợp ly hôn thì ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Trương Bích N (nữ), sinh ngày 16/02/2008 và Trương Hữu L (nam) sinh ngày 21/8/2009 đến tuổi trưởng thành. Đối với 02 cháu N và L hiện đang sinh sống cùng với ông H, cháu L bị tật bẩm sinh, nên cần phải ổn định cho ăn, ở và học tập của cháu N và L, bà N cũng đồng ý giao 02 con chung cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, Cháu N cũng có nguyện vọng được sinh sống cùng với ông H. Nên, giao 02 cháu N và L cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ông H không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện của đương sự, nên chấp nhận.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà N, không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận lời khai của các đương sự là không có, nếu sau này phát sinh tranh chấp, có yêu cầu khởi kiện thì giải quyết thành vụ án khác.

[6] Về án phí: Bà N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin hôn của bà Trần Thị Bé N với ông Trương Văn H.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Bé N được ly hôn với ông Trương Văn H.

Về con chung: Ông H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Trương Bích N (nữ), sinh ngày 16/02/2008 và Trương Hữu L (nam) sinh ngày 21/8/2009 đến tuổi trưởng thành. Ông H không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà N, không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận lời khai của các đương sự là không có, nếu sau này phát sinh tranh chấp, có yêu cầu khởi kiện thì giải quyết thành vụ án khác.

Về án phí: Bà Trần Thị Bé N chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai số 0003517 ngày 20/4/2023, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn thành tiền án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- *TAND TP. Cần Thơ;*
- VKSND quận ô Môn;
- *Chi cục THADS quận Ô Môn;*
- *UBND phường Thới An, quận Ô Môn;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu Hồ sơ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Quốc Kiệt**